

Bản án số: 46/2017/DS-PT

Ngày 22-9-2017

*“Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Văn Hiên

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Sớm

Ông Nguyễn Văn Sinh

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Lê Thị Ngọc Tranh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS -ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2017/QĐ-PT ngày 4 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thân Thị L; địa chỉ: 16 Đường T, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy N; địa chỉ: 13 đường D, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo giấy ủy quyền ngày 01-8-2017) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị T; địa chỉ: 99 đường H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Minh H; địa chỉ: 99 đường H, tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo giấy ủy quyền ngày 12-6-2017) (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Đặng Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-10-2016, bản tự khai đề ngày 20-10-2016 nguyên đơn bà Thân Thị L trình bày:

Do quen biết với nhau nên bà Đặng Thị T có đến nhà bà vay tiền nhiều lần. Đến ngày 23-6-2016 âm lịch (tức ngày 26-7-2016), bà và bà T chốt lại số nợ mà bà T còn nợ bà là 443.000.000 đồng nợ gốc.

Bà T có thể chấp cho bà bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 839742 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 05-02-2009 cho người sử dụng đất là ông Phạm Minh H và bà Đặng Thị T. Bà T hứa sẽ cắt cho bà một phần đất có kích thước 5m x 42m để cân trừ số nợ và cam kết trong vòng 20 ngày sẽ hoàn tất việc cắt đất. Đến nay, bà T vẫn không thực hiện theo đúng cam kết.

Vì vậy, bà yêu cầu bà Đặng Thị T phải trả 443.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó ông Nguyễn Duy N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà L 443.000.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu bà T phải trả lãi cho bà L.

Tại biên bản hòa giải ngày 9-11-2016, bị đơn là bà Đặng Thị T trình bày:

Bà Thừa nhận bà vay của bà Thân Thị L nhiều lần. Đến ngày 23-6-2016 âm lịch (tức ngày 26-7-2016), bà còn nợ bà L 443.000.000 đồng nợ gốc.

Khi vay tiền của bà L, bà có đưa cho bà L bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 839742 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 05-02-2009 cho vợ chồng bà. Trước đây, bà hứa sẽ cắt cho bà L một phần đất có kích thước 5m x 42m để cân trừ số nợ và cam kết trong vòng 20 ngày sẽ hoàn tất việc cắt đất. Tuy nhiên, đến nay bà vẫn chưa thực hiện.

Do làm ăn thua lỗ và vì điều kiện kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên bà chưa trả tiền cho bà L. Nay, bà chấp nhận trả cho bà Thân Thị L 443.000.000 đồng tiền gốc và đề nghị bà L giảm toàn bộ tiền nợ lãi.

Tại đơn trình báo đề ngày 08-11-2016, đơn xin hòa giải không thành đề ngày 16-11-2016, biên bản hòa giải ngày 9-1-2017 và bản tự khai ngày 17-4-2017, bà Đặng Thị T trình bày:

Vào năm 2013 bà và bà L có chơi một chân hụi 10.000.000 đồng/ tháng với số người tham gia là 17 người, bà L là chủ hụi. Vì cần tiền nên bà L cho bà hốt trước. Bà L đã chồng cho bà 120.000.000 đồng, khi bà L giao tiền cho bà, bà L không yêu cầu bà viết giấy nhận tiền. Bà phải đóng 170.000.000 đồng chia thành 17 tháng, mỗi tháng bà phải đóng 10.000.000 đồng hụi chết. Trong khi đó bà L sợ bà hốt trước không đóng được nên bắt bà thế chấp cho bà L một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Minh H và bà Đặng Thị T để làm tin.

Trong quá trình đó, bà đóng cho bà L đúng hạn được 7 tháng là 70.000.000 đồng, rồi những tháng tiếp theo bà không đóng được nữa nên có khất với bà L cho bà trả dần 100.000.000 đồng còn lại. Sau đó bà có trả tiền cho bà L 4 lần tổng cộng 100.000.000 đồng. Như vậy, bà đã trả cho bà L 170.000.000 đồng theo đúng số tiền bà đã chơi hụi. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà nhưng bà L vẫn không trả.

Vào ngày 23-6-2016 âm lịch (tức ngày 26-7-2016), bà có xuống nhà bà L để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, bà L đã ép bà viết giấy nhận nợ với số tiền 443.000.000 đồng. Số tiền 100.000.000 đồng bà đã đóng, bà L đã trừ vào số tiền lãi chậm trả đối với chân hụi của bà. Bà L đã nhiều lần cho người khác đến nhà hăm dọa đòi tiền, vì sợ quá nên bà đã viết giấy xác nhận nợ ngày 23-6-2016

âm lịch với nội dung bà còn nợ bà L 443.000.000 đồng và bà sẽ chuyển nhượng lại 5m x 42m đất cho bà L để xóa nợ. Vài ngày sau, bà bình tĩnh lại thì bà đã đến Công an phường I để trình báo sự việc bà bị bà L khống chế, uy hiếp, đe dọa viết tờ giấy nhận nợ ngày 23-6-2016 âm lịch. Việc bà trình báo Công an phường I nhằm mục đích nếu bà và gia đình bà có mệnh hệ gì thì mọi người ai cũng biết để bảo vệ an toàn tính mạng của bà.

Bà không đồng ý với những yêu cầu của bà Thân Thị L. Vì số tiền 443.000.000 đồng là số tiền lãi hui của 100.000.000 đồng trả chậm và bà cho rằng bà không còn nợ bà L bất kỳ khoản tiền nào. Đồng thời bà yêu cầu bà Thân Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho bà bản gốc của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Minh H và Đặng Thị T mà bà đã đưa cho bà L.

Khi trả tiền cho bà L, bà L không viết giấy biên nhận tiền cho bà. Vì vậy, bà không có bất kỳ chứng cứ gì liên quan đến việc trả tiền cho bà L để giao nộp cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 281, 283, 471, 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị L.

Buộc bà Đặng Thị T phải trả cho bà Thân Thị L 443.000.000 đồng nợ gốc.

Bà Thân Thị L có nghĩa vụ phải trả cho bà Đặng Thị T bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 839742 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp cho ông Phạm Minh H và bà Đặng Thị T ngày 05-02-2009.

-Buộc bà Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.720.000 đồng.

- Bà Thân Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà L 11.200.000 đồng tạm ứng án phí đa nộp theo Biên lai số 0003423 ngày 18-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26-6-2017, bị đơn là bà Đặng Thị T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Đặng Thị T kháng cáo cho rằng giữa bà và bà L không có vay mượn tiền mặt mà xuất phát từ việc chơi hụi với nhau. Bà hốt hụi trước và còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền hụi nhưng bà đã trả đủ cho bà L. Hiện nay, bà không còn nợ bà L nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả 100.000.000 đồng cho bà L. Hơn nữa, bà L cũng không thừa nhận có sự việc này. Do đó, kháng cáo của bà T không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Bà T cho rằng số tiền 443.000.000 đồng tại giấy vay nợ ngày 23-6-2016 âm lịch là do bà bị đe dọa, ép buộc phải ký chứ không có việc bà vay của bà L 443.000.000 đồng. Thấy rằng, bà T là người có đủ năng lực hành vi dân sự, bà T không chứng minh được tại thời điểm ký giấy vay nợ bà bị đe dọa, ép buộc hoặc là người không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình. Ngoài ra, phía nguyên đơn cũng không thừa nhận có hành vi đe dọa, ép buộc bà T. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận trình bày của bà T là có cơ sở.

[3] Căn cứ theo quy định tại Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, bà T phải cung cấp chứng cứ để chứng minh số tiền 443.000.000 đồng là tiền lãi của 100.000.000 đồng tiền nợ hụi chứ bà không nợ bà L 443.000.000 đồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà T không cung cấp tài liệu, giấy tờ nào để chứng minh cho lời khai của mình là có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy vay tiền ngày 23-6-2016 âm lịch do bà L cung cấp để xác định bà T nợ bà L 443.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T giữa nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận bà Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị L.

Buộc bà Đặng Thị T phải trả cho bà Thân Thị L 443.000.000 đồng nợ gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với

mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Thân Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị T bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 839742 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp cho ông Phạm Minh H và bà Đặng Thị T ngày 05-02-2009.

Buộc bà Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.720.000 đồng.

Bà Thân Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Thân Thị L 11.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003423 ngày 18-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003356 ngày 26-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; bà Đặng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THA dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hiên

